TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2026/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 7 - 2026
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nông Văn Nghiệp

2. Bà Nguyễn Mai Hiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Nhung – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Cao Bằng tham gia phiên toà: Ông Nông Tuấn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/6/2026; Quyết định hoãn phiên toà số 41/2026/QĐST-HNGĐ ngày 03/7/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nông Thị V, sinh ngày 26/01/1998; Nơi cư trú: xóm P, xã H, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lục Văn N, sinh ngày 06/5/1991; Nơi đăng ký thường trú: xóm P, xã H, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2026, biên bản lấy lời khai ngày 17/6/2026 và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn Nông Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 20/8/2019, chị và anh Lục Văn N tự nguyện cùng nhau đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Cao Bằng. Trước đó anh chị đã tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, anh N về ở rể nhà chị. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do anh N nói đi làm công ty ở các tỉnh dưới xuôi nhưng anh N không gửi tiền về để xây dựng gia đình và chăm sóc con cái, anh N cũng

không về nhà để cùng chị lo toan các công việc gia đình, anh N trở về đã nhờ tổ hoà giải xóm hoà giải, anh N đã viết giấy cam kết không chung sống với chị và đồng ý cho chị nuôi các con. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh N, chị đề nghị Toà án cho chị được ly hôn với anh Lục Văn N.

Về con chung: Chị và anh N có 02 con chung là: Nông Hồng T, sinh ngày 17/6/2014 và Nông Đức T1, sinh ngày 14/5/2015. Hiện nay cả hai con đang sống với chị V. Ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi cả hai con, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Bị đơn Lục Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Toà án không thể tiến hành lấy lời khai được và làm việc được.

Ngày 04/6/2026, Toà án nhân dân khu vực 5 – Cao Bằng đã xác minh tại địa phương, kết quả, Ủy ban nhân dân xã H cho biết: Chị V và anh N đều có đăng ký thường trú tại xóm P, xã H, tỉnh Cao Bằng, anh N vắng mặt tại địa phương, địa chỉ cụ thể địa phương không nắm được. Anh N và chị V có đăng ký kết hôn vào ngày 20/8/2019. Anh N ở rể nhà chị V, bố mẹ chị V đã hỗ trợ anh N học tập đến hết Cao Đẳng, sau đó anh N đi làm tại các công ty ở dưới xuôi, địa chỉ cụ thể địa phương không rõ. Năm 2022, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tổ hoà giải xóm có tiến hành hoà giải để anh N quay về chung sống với chị V nhưng anh N không muốn chung sống với chị V. Anh N viết giấy cam kết không chung sống với chị V, các con sẽ do chị V nuôi dưỡng. Anh N có biết việc chị V xin ly hôn nhưng anh N không đến Toà án giải quyết. Nay chị V có yêu cầu giải quyết ly hôn, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật; Về con chung: Anh N và chị V có 02 con chung là: Nông Hồng T, sinh ngày 17/6/2014 và Nông Đức T1, sinh ngày 14/5/2015, hiện nay cả hai con đang sống với chị V. Trường hợp ly hôn, nên giao các cháu cho chị V nuôi dưỡng.

Ngày 17/6/2026, Toà án ghi ý kiến của các cháu Nông Hồng T, sinh ngày 17/6/2014, Nông Đức T1, sinh ngày 14/5/2015, các cháu đều có nguyện vọng muốn sống với mẹ.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng về: Thẩm quyền thụ lý vụ án; xác định tư cách tham gia tố tụng; tiếp nhận tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp; thủ tục cấp, tống đạt văn bản tố tụng; thời hạn chuẩn bị xét xử; chuyển Quyết định đưa vụ án ra xét xử và hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đều đúng thời hạn.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 116 của Luật Hôn nhân và đình năm 2014; điểm a, khoản 3, Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nông Thị V được ly hôn anh Lục Văn N.

Về con chung: Đề nghị giao các cháu Nông Hồng T, sinh ngày 17/6/2014, Nông Đức T1, sinh ngày 14/5/2015 cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị V không yêu cấp anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, đề nghị không xem xét.

Về nợ chung: Không có, đề nghị Toà án không xem xét.

Về án phí: Đề nghị buộc chị Nông Thị V phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí nhân và gia đình sơ thẩm, đối trừ với số tiền chị V tạm ứng án phí tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Cao Bằng, chị V đã nộp đủ án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nông Thị V có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với anh Lục Văn N, anh Lục Văn N có nơi cư trú tại xóm P, xã H, tỉnh Cao Bằng; Căn cứ vào khoản 1, Điều 28; Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 5 – Cao Bằng.

Nguyên đơn Nông Thị V, Bị đơn Lục Văn N đã được Toà án triệu tập hợp lệ. Nguyên đơn Nông Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Nhất vắng mặt lần thứ hai không có lý do; Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; điểm a, b, khoản 1, Điều 238 của Bộ luật tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị V và anh Lục Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 20/8/2019 Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Cao Bằng nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị V có yêu cầu xin ly hôn với anh N, anh N được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Toà án làm việc do vậy Toà án căn cứ vào trình bày của nguyên đơn, các chứng cứ tài liệu đã thu thập được để giải

quyết yêu cầu của nguyên đơn, cụ thể, chị V trình bày quá trình chung sống năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh N đi làm công ty ở các tỉnh dưới xuôi nhưng không gửi tiền về để xây dựng gia đình và chăm sóc con cái, anh N trở về đã nhờ tổ hoà giải của xóm hoà giải, anh N đã viết giấy cam kết không chung sống với chị và đồng ý cho chị nuôi các con. Ý kiến trình bày của chị V cũng phù hợp với kết quả xác minh của Toà án tại địa phương vào ngày 04/6/2026. Do đó, Hội đồng xét xử xác định, hôn nhân giữa anh N và chị V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được vì vậy sẽ không thể tạo nên một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Căn cứ vào khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và đình; điểm a, khoản 3, Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, chị V có yêu cầu xin ly hôn với anh Nhất L có cở sở, được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị V và anh N có 02 con chung là: Nông Hồng T, sinh ngày 17/6/2014 và Nông Đức T1, sinh ngày 14/5/2015. Hiện nay cả hai con đang sống với chị V. Ly hôn chị V có nguyện vọng nuôi cả hai con. Do anh N không đến Toà án để trình bày ý kiến nên Toà án không biết ý kiến của anh N như thế nào về vấn đề con chung, do đó, yêu cầu của chị V được nuôi cả 2 con được chấp nhận. Chị V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả cháu Nông Hồng T, sinh ngày 17/6/2014, Nông Đức T1, sinh ngày 14/5/2015 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Chị Nông Thị V không yêu cầu chia tài sản chung, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Toà án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V, căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tụng Dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, chị Nông Thị V phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí nhân và gia đình sơ thẩm, anh Lục Văn N không phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Xác nhận, Chị V đã nộp số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Cao Bằng theo biên lai số 0000277, ngày 28/4/2026. Chị V đã nộp đủ tiền án phí.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng sự.

[9] Các đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà về quan hệ hôn nhân, nuôi

con chung, án phí ly hôn đều phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 58; khoản 2, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và đình năm 2014.

Khoản 1, Điều 28; Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm a, b, khoản 1, Điều 238; khoản 4, Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tụng sự;

Điểm a, khoản 3, Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị V về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" đối với anh Lục Văn N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị V được ly hôn với anh Lục Văn N.

2. Về con chung: Giao các cháu Nông Hồng T, sinh ngày 17/6/2014; Nông Đức T1, sinh ngày 14/5/2015 cho chị Nông Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu T, T1 đủ 18 tuổi. Chị Nông Thị V không yêu cầu anh Lục Văn N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. Án phí: Chị Nông Thị V phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí nhân và gia đình sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước, đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị V đã nộp tạm ứng án phí tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Cao Bằng theo biên lai số 0000277, ngày 28/4/2026. Đương sự đã nộp đủ tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND khu vực 5 – Cao Bằng;
- Các đương sự;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Cao Bằng;
- UBND xã HG;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hoàng Thị Kim